TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06-4-2018
V/v "ly hôn và tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Hồng.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Võ Thị Thanh Thủy;

2/ Ông Nguyễn Thanh Phú;

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Phan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2018/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 3 năm 2018, về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn E, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: ấp 6, xã A, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Trần B, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: ấp 6, xã A, huyện T, tỉnh Long An.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn, ông Nguyễn E trình bày như sau:

Do quen biết và sự đồng ý của gia đình hai bên nên năm 2011 ông và bà B có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 22/02/2011.

Sau khi cưới vợ chồng sinh sống cùng gia đình bên chồng tại xã A, huyện T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng khoảng 2,3 năm nay

thì phát sinh mâu thuẫn do bà B không tôn trọng cha mẹ ông và ông, vợ chồng thường xuyên cải vã; ông đã nhiều lần cho bà B cơ hội để sữa chữa nhưng bà B vẫn không thay đổi, vợ chồng chính thức ly thân nhau khoảng 7,8 tháng nay nhưng vẫn sống cùng nhà.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà Trần B.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn L, sinh ngày 02/9/2011, hiện đang sống với ông và bà B. Khi ly hôn, ông yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: vợ chồng thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, bà Trần B trình bày: Bà thống nhất với ông E về thời gian cưới, đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, thời điểm vợ chồng bỏ nhau, nguyên nhân mâu thuẫn. Nay ông E yêu cầu ly hôn bà cũng đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: bà thống nhất với ông E vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn L, sinh ngày 02/9/2011, hiện đang sống với bà và ông E. Khi ly hôn bà cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu L và yêu cầu ông E phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản: vợ chồng thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Các đương sự trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm đồng thời vẫn giữ ý kiến và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn E yêu cầu ly hôn với bà Trần B là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn E và bà Trần B thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn L, sinh ngày 02/9/2011, hiện đang sống với ông E và bà B. Khi ly hôn ông E và bà B đều yêu cầu

được trực tiếp nuôi con, ông E không yêu cầu bà Búp cấp dưỡng nuôi con, ngược lại bà B yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Cháu Nguyễn L sinh ngày 02/9/2011, tính đến ngày xét xử sơ thẩm đã hơn 36 tháng tuổi nhưng chưa đủ 7 tuổi. Theo quy định Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cháu L không thuộc trường hợp ưu tiên giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng theo khoản 3 Điều 81 và cũng không thuộc trường hợp phải xem xét nguyện vọng của cháu theo khoản 2 Điều 81. Tuy nhiên từ nhỏ cháu L đã sống cùng cha, mẹ ở xã A, huyện T; hiện đang học lớp 1 tại trường tiểu học C thuộc xã A. Ông E làm thủ kho và có mức thu nhập ổn định, trong khi đó bà B làm công nhân thu nhập thấp hơn ông E. Khi ly hôn thì bà phải ra ở trọ nếu trực tiếp nuôi con thì việc sinh hoạt cũng như học hành của cháu L không được thuận lợi.

Do đó Hội đồng xét xử quyết định giao cháu L cho ông E tiếp tục nuôi dưỡng. Vì ông E không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về chia tài sản: ông E và bà B thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ trả nợ: ông E và bà Trần B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử cũng không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: ông Nguyễn E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39; 147; 266, 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51; 55; 57; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn E và bà Trần B.

2/ Về con chung:

Ông Nguyễn E được tiếp tục nuôi con tên Nguyễn L, sinh ngày 02/9/2011. Bà Trần B không phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về án phí: Ông Nguyễn E phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 06295, ngày 16/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ. Ông E đã nộp đủ án phí. Bà Trần B không phải nộp án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/4/2018).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- CC THA DS huyện Tân Trụ;
- UBND xã A, huyện T;
-Các đương sự.
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thúy Hồng